

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2024/HS-ST

Ngày 17 - 5 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Thành Dân

Ông Nguyễn Văn Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2024/TLST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2024, đối với bị cáo:

Trần Văn T1, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1996; giới tính: Nam; nơi sinh: Bình Phước; hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; Họ và tên cha: Trần Văn X; nghề nghiệp: Làm nông; Họ và tên mẹ: Trần Thị B, năm sinh 1971; nghề nghiệp: Làm nông; Bị can có 01 anh trai: Trần Văn T2, sinh năm: 1993. Hiện cùng sinh sống tại thôn A, xã N, huyện B, tỉnh Bình Phước; Bị cáo chưa kết hôn; tiền án, tiền sự: (không); bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26 tháng 12 năm 2023 cho đến nay. Có mặt.

- Người làm chứng:

Ông Nguyễn Vũ T3, sinh năm: 1979, trú tại: khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

Ông Nguyễn Minh T4, sinh năm: 2002; địa chỉ: khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T1 là người nghiện ma túy, khoảng 15 giờ ngày 26/12/2023, Trần Văn T1 điều khiển xe mô tô loại Exciter biển số 93L1-455.35 đi từ nhà trọ tại thôn Đ, xã P,

huyện P đến thị xã P tìm mua ma túy về sử dụng. Khi đến đoạn đường vành đai núi Bà R thuộc khu phố S, phường S, thị xã P nhìn thấy có hai thanh niên đang dựng xe bên đường sử dụng ma túy nên T1 đến hỏi mua ma túy với giá 1.000.000 đồng thì hai người này đồng ý, T1 lấy trong túi quần phía sau ra 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đưa cho 01 người thanh niên, sau đó người này đưa cho T1 01 túi nylon màu đỏ bên trong túi nylon có 02 hộp hạt điều rang muối và 01 bì thư màu trắng, bên trong bì thư có 01 túi nylon bên trong có chứa tinh thể màu trắng được quấn bằng keo màu đen bên ngoài. T1 treo túi nylon màu đỏ lên ghi đông xe rồi điều khiển xe về nhà trọ của mình. Đi được khoảng 500 mét thì T1 bị lực lượng Công an phường S kiểm tra, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ:

- 01 gói nylon dạng khóa miết được cuộn bằng kéo màu đen bên ngoài kích thước dài 2cm, rộng 01 cm bên trong túi nylon chứa chất màu trắng, T1 khai là ma túy.

- 01 xe mô tô loại Exciter, biển số 93L1-455.35, số máy 277554, số khung 264444 mang tên chủ sở hữu Nguyễn Văn C.

Trong quá trình điều tra, T1 khai nhận số ma túy trên Tài đã mua của hai đối tượng không rõ lai lịch. Mục đích T1 mua ma túy về để T1 sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 1305/2023/GĐ-MT ngày 29/12/2023 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:

+ Tinh thể màu trắng (ký hiệu M) có trong 01 túi nylon dạng khóa miết được cuộn bằng kéo màu đen niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng là 2,4054 gam (hai phẩy bốn không năm bốn gam).

Tại bản cáo trạng số: 18/2024/CT – VKS ngày 08/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long đã truy tố Trần Văn T1 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn T1 tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa: bị cáo đã thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định là 2,3278 gam (hai phẩy ba hai bảy tám gam).

Đối với xe moto loại Exciter, biển số 93L1-455.35, số máy 277554, số khung 264444 mang tên chủ sở hữu Nguyễn Văn C. Ngày 26/12/2023, T1 mượn xe mô tô trên từ Đỗ Văn Đ nhưng không nói cho Đ biết T1 đi đâu. Đ khai nhận vào năm 2021 Đ mua xe mô tô trên từ Nguyễn Văn C nhưng chỉ viết giấy tay, không làm thủ tục sang tên, giấy mua bán và giấy đăng ký xe hiện đã mất. Hiện không xác định được C đang ở đâu nên chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp của xe mô tô trên nên việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo T1 thừa nhận hành vi đã thực hiện đúng như cáo trạng truy tố; không có lời bào chữa nào khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người làm chứng ông Nguyễn Vũ T3, ông Nguyễn Minh T4 vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai, nên việc vắng mặt những người làm chứng không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án. Căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 26/12/2023, lập tại khu phố S, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước; lời khai nhận tội của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của người làm chứng trong quá trình điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Qua đó có cơ sở xác định: Vào khoảng 15 giờ ngày 26/12/2023, Trần Văn T1 đã có hành vi tàng trữ 01 gói nylon dạng khóa miết được cuộn bằng keo màu đen bên ngoài kích thước dài 2cm, rộng 01 cm bên trong có chứa ma túy (Methamphetamine), có khối lượng 2,4054 gam (hai phẩy bốn không năm bốn gam), được treo trên xe của bị cáo. Số ma túy mà bị cáo T1 tàng trữ là để sử dụng không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy.

Khi thực hiện hành vi bị cáo T1 là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được chất ma túy là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành nên hành vi của bị cáo Trần Văn T1 đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 249 BLHS năm 2015. Do loại ma túy bị cáo tàng trữ là loại Methamphetamine, có khối lượng 2,4054 gam (hai phẩy bốn không năm bốn), gam nên Viện kiểm sát truy tố và luận tội bị cáo theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Ngoài ra còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo là người nghiện ma túy, biết rõ các tác hại của ma túy nhưng bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, việc áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung.

[5] Bị cáo Trần Văn T1 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Thành khẩn khai báo”. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về quan điểm của Kiểm sát viên về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với qui định pháp luật, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Đối với đối tượng bán ma túy cho T1 hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch cụ thể nên chưa có căn cứ xử lý. Đề nghị cơ quan Điều tra tiếp tục làm rõ để xử lý theo quy định.

[9] Về vật chứng của vụ án: đối với số ma túy Methamphetamine khối lượng 2,3278 gam (hai phẩy ba hai bảy tám) gam còn lại sau giám định. Cần tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với mô tô loại Exciter, biển số 93L1-455.35, số máy 277554, số khung 264444 mang tên chủ sở hữu Nguyễn Văn C. Ngày 26/12/2023, T1 mượn xe mô tô trên từ Đỗ Văn Đ nhưng Đ không biết việc T1 sử dụng vào việc đi mua ma túy. Đ khai nhận vào năm 2021 Đ mua xe mô tô trên từ Nguyễn Văn C nhưng chỉ viết giấy tay, không làm thủ tục sang tên, giấy mua bán và giấy đăng ký xe hiện đã mất. Đối với Nguyễn Văn C, qua điều tra xác minh không biết C đang ở đâu nên chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp hiện tại của xe mô tô trên nên việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã P tách ra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là đúng.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 điều 51; các Điều 38, 50 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T1 02 (H) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/12/2023.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Tiêu hủy số ma túy Methamphetamine khối lượng 2,3278 gam (Hai phẩy ba hai bảy tám) gam còn lại sau giám định.

(Theo biên bản ngày 16 tháng 4 năm 2024, về việc giao nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Bị cáo Trần Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 và 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 17/5/2024).

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- Chi cục THADS thị xã Phước Long;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tịnh

